

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 544 /STC-HCSN

An Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2017

V/v báo cáo tình hình thực hiện chế
độ tự chủ của các cơ quan hành chính
và đơn vị sự nghiệp công lập

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ.

Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Để có đầy đủ số liệu báo cáo UBND tỉnh đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, gửi Bộ Tài chính theo quy định. Đề nghị các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp số liệu và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ năm 2016.

Riêng đối với Sở Khoa học và Công nghệ, ngoài việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ, đề nghị đơn vị báo cáo đánh giá thêm tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định tại Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ.

2. Báo cáo đánh giá bằng văn bản và các biểu mẫu kèm theo, gửi Sở Tài chính **chậm nhất ngày 24/03/2017** để tổng hợp trình UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính. Trong đó, nêu rõ kết quả đạt được, hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước

và chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và kiến nghị đề xuất (nếu có).

Lưu ý: Các đơn vị có thể tham khảo và tải các biểu mẫu tại Cổng thông tin của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.angiang.gov.vn>, Mục “Văn bản Sở Tài chính”, phân mục “Phòng HCSN” và thực hiện đầy đủ và đúng theo các biểu mẫu nêu trên.

Rất mong các Sở, Ban ngành, Đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh “đề báo cáo”;
- Phòng TC-KH các huyện, thị, thành;
- Ban Giám đốc;
- Phòng NS (tổng hợp cấp huyện);
- VP Sở; TTTĐTC (thực hiện báo cáo);
- Phòng Tin học;
- Lưu VT, HCSN



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

II/ Đánh giá cụ thể:

1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ : đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện: đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được: đồng

Trong đó:

+ Tiết kiệm chi quỹ lương:

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động: ... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: lần/tháng.

- + Người có thu nhập tăng thêm cao nhất đ/tháng
 - + Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất đ/tháng
 - Trích Quỹ và các khoản chi khác: đồng
 - + Quỹ dự phòng ổn định thu nhập
 - + Chi khen thưởng
 - + Chi phúc lợi
 - + Các khoản chi khác
- 3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:
- 4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

....., ngày ... tháng ... năm...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016

(Dùng cho: Các đơn vị dự toán cấp II báo cáo đơn vị dự toán cấp I, đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp, các địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.
- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).
- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

.....

II/ Đánh giá cụ thể:

1/ Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cơ quan cấp huyện:
 - + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện:
 - + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:
- Cấp xã:
 - + Số lượng xã:
 - + Số đã được giao thực hiện tự chủ:
 - + Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2/ Về kinh phí:

a/ Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số)

Trong đó:

- * Kinh phí thực hiện tự chủ : đồng
- Số kinh phí thực hiện: đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được: đồng
- + Tiết kiệm chi quỹ lương (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao)
- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương)

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước...

- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí: đơn vị

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao: %

- Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm so với kinh phí được giao cao nhất: ... %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần tổng hợp báo cáo theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện.

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

b/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần. đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần đơn vị

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là đ/tháng (tên đơn vị);

- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là đ/tháng (tên đơn vị).

- Trích Quỹ và các khoản chi khác:

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

....

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

.....

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

.....

....., ngày... tháng... năm...

Người lập báo cáo

(Ký tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006
CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016**

(Dùng cho: đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp;
UBND cấp huyện báo cáo Sở Tài chính)

I. Đánh giá chung:

Tình hình triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nhà nước của các đơn vị sự nghiệp.

2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006:

a. Tổng số đơn vị SN:

b. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính các đơn vị (*chi tiết theo biểu số 2 đính kèm*).

c. Về biên chế:

- Tổng số biên chế đầu năm..... người

- Số biên chế có mặt..... người

- Số biên chế tiết kiệm: người

d. Số đơn vị sự nghiệp xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: đơn vị

đ. Tình hình thu nhập người lao động:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 1 – 2 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 – 3 lần..... đơn vị

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần trở lên..... đơn vị

- Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là đồng/tháng (tên đơn vị);

- Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là đồng/tháng (tên đơn vị).

e. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu:

III. Những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị:

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... Ngày..... tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006
CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016**

(Dùng cho: đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp I)

I. Đánh giá chung:

Tình hình triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/04/2006 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nhà nước của các đơn vị sự nghiệp.

.....
.....

2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/4/2006:

a. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính các đơn vị (chi tiết theo biểu số 2 đính kèm).

b. Về biên chế:

- Số biên chế giao đầu năm..... người
- Số biên chế có mặt..... người
- Số biên chế tiết kiệm: người

c. Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số:, ngày

d. Tình hình thu nhập người lao động:

- Hệ số tăng thu nhập: lần.
- Người có thu nhập tăng thêm cao nhất là đồng/tháng.
- Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là đồng/tháng.

đ. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu:

III. Những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị:

.....
.....

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... Ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/2005/NĐ-CP NGÀY 05/9/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
96/2010/NĐ-CP NGÀY 20/9/2010 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016

(Dùng cho: đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính cùng cấp;
UBND cấp huyện báo cáo Sở Tài chính)

I. Đánh giá chung:

Tình hình triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nhà nước của các đơn vị sự nghiệp.

.....
.....
2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010:

- a. Tổng số đơn vị SN:
- b. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính các đơn vị (*chi tiết theo biểu số 2 đính kèm*).
- c. Về biên chế:
 - Tổng số biên chế đầu năm..... người
 - Số biên chế có mặt..... người
 - Số biên chế tiết kiệm: người
- d. Số đơn vị sự nghiệp xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ: đơn vị
- đ. Tình hình thu nhập người lao động:
 - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 1 lần..... đơn vị
 - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 1 – 2 lần..... đơn vị
 - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 2 – 3 lần..... đơn vị
 - Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 3 lần trở lên..... đơn vị
 - Đơn vị có người thu nhập tăng thêm cao nhất là đồng/tháng (tên đơn vị);
 - Đơn vị có người thu nhập tăng thêm thấp nhất là đồng/tháng (tên đơn vị).
- e. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu:

III. Những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị:

.....
.....

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... Ngày..... tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM
VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 115/2005/NĐ-CP NGÀY 05/9/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH
96/2010/NĐ-CP NGÀY 20/9/2010 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2016**
(Dùng cho: đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp I)

I. Đánh giá chung:

Tình hình triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010 của Chính phủ.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ nhà nước của các đơn vị sự nghiệp.

.....
.....

2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 và Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/9/2010:

a. Tình hình thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính các đơn vị (chi tiết theo biểu số 2 đính kèm).

b. Về biên chế:

- Số biên chế giao đầu năm..... người
- Số biên chế có mặt..... người
- Số biên chế tiết kiệm: người

c. Đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ tại Quyết định số:, ngày

d. Tình hình thu nhập người lao động:

- Hệ số tăng thu nhập: lần.
- Người có thu nhập tăng thêm cao nhất là đồng/tháng.
- Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là đồng/tháng.

đ. Các biện pháp thực hành tiết kiệm và tăng thu:

III. Những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị:

.....
.....

Người lập báo cáo
(Ký tên)

... Ngày..... tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 130/2005/NĐ-CP, NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ
CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ - NĂM 2015

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị xây dựng qui chế CTN tự chủ (QĐ số....)	Biên chế được giao			Số biên chế các đơn vị có chi TTT	Quý niên lương, cấp bậc, chức vụ trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm (bao gồm số dư năm trước chuyển sang + Dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm)			Thực hiện trong năm			Chênh lệch thu, chi			Phân phối KP tiết kiệm																	
			Số biên chế giao	Số biên chế có mặt	Số biên chế tiết kiệm			Nguồn NSNN		Tổng cộng	Nguồn NSNN		Tổng cộng	Nguồn NSNN		Tổng cộng	Trong đó																	
								Tổng cộng	KP tự chủ		KP không tự chủ	Tổng cộng		KP tự chủ	KP không tự chủ		Từ nguồn cấp	Từ nguồn phi, lệ phí, lệ	Từ nguồn TTT	Mức chi bình quân của CBCC /người/ tháng	Chi phúc lợi	Chi khen thưởng	Quý DP ổn định thu nhập											
A	B	1 2	3	4	5	6	7	8-9+12	9-10+11	10	11	12	13-14+17	14+15+16	15	16	17	18+19+22	19+20+21	20	21	22	23+24+29+30+31	24+25+26	25	26	27+24(cột 6)/ 2 tháng	28+29/ cột 7	29	30	31			
	TỔNG CỘNG																																	
1	Đơn vị A																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	
2	Đơn vị B																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP, NGÀY 17/10/2005 CỦA CHÍNH PHỦ
CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ - NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị xây dựng qui chế CTN B (QĐ số....)	Biên chế được giao			Số biên chế các đơn vị có chi tiêu mặt kiêm TNT T	Quý tiền lương, cấp bậc, chức vụ trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm (bao gồm số dư năm trước chuyển sang + Dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm)			Thực hiện trong năm			Chiếm lệch thu, chi				Phân phối KP tiết kiệm																			
			Số biên chế có mặt	Số biên chế CTN B	Số biên chế giao			Nguồn NSNN		Số thực hiện thu từ nguồn thu phi, lệ phí, thu khác được để lại sử dụng;	Tổng cộng	Số chi từ nguồn thu phi, lệ phí, thu khác được để lại sử dụng;	Nguồn NSNN		Tổng cộng	Tổng cộng	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó			Chi phí nhân công	Chi phí vật tư	Chi phí khác												
								Tổng cộng	KP tự chủ				KP không tự chủ	Tổng cộng			KP tự chủ	KP không tự chủ		Tổng cộng	Từ nguồn NSNN cấp	Từ nguồn thu phi, lệ phí, thu khác				Mức chi TNTT bình quân của CBCCC/người/tháng	Hệ số	Chi phí	Chi phí	Chi phí							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12	13=14+17	14=15+16	15	16	17	18=19-22	19=20+21	20	21	22	23=24+29+30-31	24=25+26	25	26	27=28x0,666/2 tháng	28=29/0,7	29	30	31					
	TỔNG CỘNG																																				
	1 Đơn vị A																																				
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																				
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																				
	2 Đơn vị B																																				
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																				
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																				

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 115/2005/NĐ-CP, NGÀY 05/9/2005 CỦA CHÍNH PHỦ
CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ - NĂM 2015

ĐVT: triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị xây dựng	Đơn vị giao tự chủ (QB số...)	Biên chế được giao				Số biên chế các đơn vị có chi nhánh CNTT	Quý niên lương, cấp bậc, chức vụ trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm (bao gồm số dư năm trước chuyển sang + Dự toán giao đầu năm và bổ sung trong năm)				Thực hiện trong năm				Chênh lệch thu, chi				Phân phối KP tiết kiệm												
				Số biên chế giao	Số biên chế có mặt	Số biên chế CTN	Số biên chế các đơn vị có chi nhánh CNTT			Nguồn NSNN		Nguồn NSNN		Nguồn NSNN		Nguồn NSNN		Tổng cộng	Số chi từ nguồn thu phi, lệ phí, thu khác được để lại; thu khác	Trong đó		Trong đó		Tổng cộng	Từ nguồn thu phi, lệ phí, thu khác	Từ nguồn NSNN cấp	Mức chi bình quân của CBCCC/người/tháng	Chi phúc lợi	Chi khen thưởng	Chi DP ổn định thu nhập				
										Tổng cộng	KP tự chủ	Tổng cộng	KP không tự chủ	Tổng cộng	KP tự chủ	Tổng cộng	KP không tự chủ			Tổng cộng	KP tự chủ	Tổng cộng	KP không tự chủ								Tổng cộng	KP tự chủ	Tổng cộng	KP không tự chủ
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12	13=14+17	14=15+16	15	16	17	18=19+22	19=20+21	20	21	22	23=24+29 +30+31	24=25+26	25	26	27=28/(số người/ tháng)	28=29/ số người	29	30	31		
	TỔNG CỘNG																																	
1	Đơn vị A																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	
2	Đơn vị B																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	
	- Đơn vị trực thuộc (nếu có)																																	

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)